

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 27-3-2020
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.
2. Bà Lê Thị Tân An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2019/TLST-DS ngày 05/6/2019 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 05/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Trú tại: khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: **Đặng Thị S**, sinh năm 1941. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày:**

Bà Đặng Thị S có tham gia một số dây hui do bà làm chủ hui gồm:

- 01 chân hui 500.000 đồng/tháng áp ngày 15/11/2016 gồm 19 hui viên, bà S đã hốt xong và còn nợ 02 lần hui chết là 500.000 đồng x 2 lần = 1.000.000 đồng;

- 01 chân hụi 3.000.000 đồng/tháng áp ngày 30/10/2016 gồm 22 hụi viên, bà S đã hốt xong và còn nợ 04 lần hụi chết là 3.000.000 đồng x 4 lần = 12.000.000 đồng;

- 01 chân hụi 1.000.000 đồng/tháng áp ngày 20/02/2017 gồm 24 hụi viên, bà S đã hốt xong và còn nợ 10 lần hụi chết là 1.000.000 đồng x 10 lần = 10.000.000 đồng;

- 01 chân hụi 1.000.000 đồng/tháng áp ngày 15/10/2016 gồm 22 hụi viên, bà S đã hốt xong và còn nợ 04 lần hụi chết là 1.000.000 đồng x 4 lần = 4.000.000 đồng;

- 01 chân hụi 2.000.000 đồng/tháng áp ngày 05/7/2017 gồm 19 hụi viên, bà S đã hốt xong và còn nợ 09 lần hụi chết là 2.000.000 đồng x 9 lần = 18.000.000 đồng;

- 01 chân hụi 1.000.000 đồng/tháng áp ngày 25/7/2017 gồm 21 hụi viên, bà S đã hốt xong và còn nợ 12 lần hụi chết là 1.000.000 đồng x 12 lần = 12.000.000 đồng;

- 01 chân hụi 3.000.000 đồng/tháng áp ngày 25/7/2017 gồm 17 hụi viên, bà S đã hốt xong và còn nợ 08 lần hụi chết là 3.000.000 đồng x 8 lần = 24.000.000 đồng.

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/3/2019, tổng số tiền hụi bà S còn nợ bà là 85.000.000 đồng, bà đồng ý cần trừ 02 chân hụi sống của bà S với số tiền 40.500.000 đồng, bà yêu cầu bà S trả số tiền còn lại là 44.500.000 đồng. Tuy nhiên giữa bà và Sáu không thống nhất được tiền hụi sống nên bà thay đổi yêu cầu.

Tổng cộng bà S còn nợ bà 08 chân hụi chết là 85.000.000 đồng nhưng đơn khởi kiện bà kê thiếu 01 chân hụi 1.000.000 đồng/tháng áp ngày 15/11/2016, chân hụi này bà S nợ bà 4.000.000 đồng nên tổng số tiền nợ hụi theo đơn khởi kiện chỉ có 81.000.000 đồng. Nay bà chỉ yêu cầu bà S trả cho bà số tiền hụi là 81.000.000 đồng (*Tám mươi một triệu đồng*). Đối với chân hụi 1.000.000 đồng ngày 15/11/2016 và số tiền hụi sống của bà S thì bà không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn bà Đặng Thị S trình bày:**

Bà và bà Dương Thị N chỉ quen biết nhau, ngoài ra không có quan hệ họ hàng gì cả. Bà có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi từ năm 2016, bà tham gia chơi rất nhiều dây hụi nhưng không nhớ cụ thể từng dây hụi. Bà thừa nhận bà có nợ bà N tiền hụi chết nhưng không nhớ cụ thể nợ các chân hụi nào và còn nợ số tiền bao nhiêu. Nhưng sau khi kiểm tra lại giấy tờ chơi hụi, bà xác định tất cả các dây hụi bà N liệt kê trong đơn khởi kiện thì bà đã hốt hết và cũng đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà N. Do bà không còn thiếu tiền hụi chết nên bà không đồng ý trả cho bà N số tiền 44.500.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo yêu cầu của bà N.

Ngoài ra, bà còn 02 chân hụi sống gồm:

- 01 chân 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/9/2016 gồm 26 hội viên, còn 03 lần là mãn hội. Số tiền bà đã đóng cho đây hội này là 1.000.000 đồng x 23 lần = 23.000.000 đồng.

- 01 chân 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10/4/2017 gồm 22 hội viên, còn 03 lần là mãn hội. Số tiền bà đã đóng cho đây hội này là 2.000.000 đồng x 19 lần = 38.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà đã đóng cho bà N đối với 02 đây hội trên là 61.000.000 đồng. Bà N cho rằng bà còn nợ tiền hội chết nên bà N không cho bà hốt hội và bà N đòi cản trở tiền hội sống của bà qua phần tiền hội chết. Hiện bà N vẫn còn thiếu bà số tiền này nhưng bà không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên hòa giải, các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền hội là 81.000.000 đồng.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hội”, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn cùng xác định có thỏa thuận chơi hội với nhau, từ đó có cơ sở để xác định giao dịch này là có thật, trong quá trình tham gia hội có phát sinh tranh chấp nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hội*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đặng Thị S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Từ năm 2016 đến năm 2017, bà N có làm chủ hội nhiều dây hội, bà S có tham gia chơi 10 dây hội, trong đó, có bà S đã hốt xong 08 dây hội (hội chết), còn lại 02 dây hội chưa hốt (hội sống), tuy nhiên bà N chỉ khởi kiện bà S đối với 07 chân hội được kê trong đơn khởi kiện. Bà N cho rằng, sau khi hốt hội xong, bà S còn nợ tiền hội chết tổng cộng là 81.000.000 đồng nhưng do bà S không tiếp tục đóng hội nên bà N khởi kiện bà S để đòi số tiền hội chết. Phía bà S thì cho rằng, bà S có tham gia tất cả các dây hội như đơn khởi kiện đã nêu, sau khi hốt hội xong bà S đã đóng tiền hội chết đầy đủ cho bà N nên bà S không đồng ý trả tiền hội theo yêu cầu của bà N.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà N yêu cầu bà S trả tiền hội chết. Về phía bà S, mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Bản tự khai ngày 03/6/2019 cùng các lời trình bày của bà S tại các phiên hòa giải và phiên tòa ngày 22/10/2019, bà S đều thừa nhận đã hốt tất cả 07 dây hội mà bà N khởi kiện nhưng đã đóng xong tiền hội chết. Tuy nhiên, bà S không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà N cũng không thừa nhận việc bà S đã đóng tiền hội chết. Từ đó cho thấy, yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà S là có căn cứ nên được chấp nhận, do đó, cần buộc bà S trả cho bà N số tiền 81.000.000 đồng là phù hợp.

Do bà N chỉ yêu cầu bà S trả tiền hội chết là 81.000.000 đồng, không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với chân hội 1.000.000 đồng ngày 15/11/2016 bà N không có yêu cầu. Đối với 02 phần hội sống gồm 01 chân hội 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 30/9/2016 và 01 chân hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10/4/2017 bà S cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt các vấn đề này ra xem xét giải quyết, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn bà Đặng Thị S phải chịu án phí. Do bà S là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà N được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N đối với bà Đặng Thị S.

Buộc bà Đặng Thị S trả cho bà Dương Thị N số tiền 81.000.000 đồng (*Tám mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Dương Thị N được nhận lại số tiền 1.112.500 đồng (*Một triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 000085 ngày 24/5/2019 và số tiền 912.500 đồng (*Chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010648 ngày 02/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

